

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2023
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Trang
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hùng Minh
2. Bà Lữ Kim Hằng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thái Học, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1971

HKTT: **ấp E, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**

Nơi cư trú: **ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**

- Bị đơn: ông Hoàng Văn P, sinh năm: 1967

HKTT và nơi cư trú: **ấp E, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**

(Bà N và ông P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 1991, bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn P tự nguyện chung sống với nhau, nhưng đến ngày 31/12/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, do ông P thường ghen tuông vô cớ, nhậu say về nhà gây sự nên vợ chồng xảy ra cãi vã, dẫn đến tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải đoàn tụ, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 nên bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hoàng Văn P.

Về con chung: ông bà có 04 người con chung là **Hoàng Thị Khánh L**, sinh ngày 23/5/1993, **Hoàng Thị Thúy A**, sinh ngày 11/5/1995, **Hoàng Thị Thùy T**, sinh ngày 21/6/1997 và **Hoàng Đình Ngọc C**, sinh ngày 24/5/2000 hiện đã trưởng thành và có việc làm ổn định.

Về tài sản chung: ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại các bản tự khai, bị đơn ông **Hoàng Văn P** trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà **N** về quá trình hôn nhân. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo ông là do trong cuộc sống chung vợ chồng có nhiều bất đồng, không hợp nhau. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm nên ông **P** đồng ý ly hôn với bà **N**.

Về con chung: ông thống nhất với trình bày của bà **N**, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát **huyện C, tỉnh Đồng Nai** phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật và nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ và vắng mặt tại một số buổi làm việc.

Về đường lối giải quyết: áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 87, 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà **Nguyễn Thị N** và ông **Hoàng Văn P** ly hôn; về con chung: đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết; về nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà **Nguyễn Thị N** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông **Hoàng Văn P**. Ông **P** có nơi cư trú tại **ấp E, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai**. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện **Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai**.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bà **N** và ông **P** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn P tự nguyện chung sống và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 31/12/2002 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà N và ông P chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông bà là do vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, thường xuyên xảy ra nhiều cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, nên ông bà thống nhất ly hôn. Từ lời trình bày của ông bà, Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

- Về nợ chung: ông bà đều khai không có và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Hoàng Văn P.

2. Về con chung: đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: các đương sự khai không có và không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà N đã nộp sang án phí, theo biên lai thu tiền số 0001507 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Quế, h Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trương Thị Thùy Trang